CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Gạch Ngói Từ Sơn

Ngày 30/06/2025	10,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-6.4%	-	-

DT thuần
Q2/25
2.99
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.49| 99.4%
YoY: ▲ 1.66| 125%

LN thuần
Q2/25
0.11
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.28| 109%
YoY: ▲ 1.04| 112%

LN sau thuế
Q2/25
1.81
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.05| 246%
YoY: ▲ 3.07| 243%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
60.4%
YoY: +/-▲ 143%

ROE (TTM)
Q2/25
-8.6%
YoY: +/-▲ 24.8%

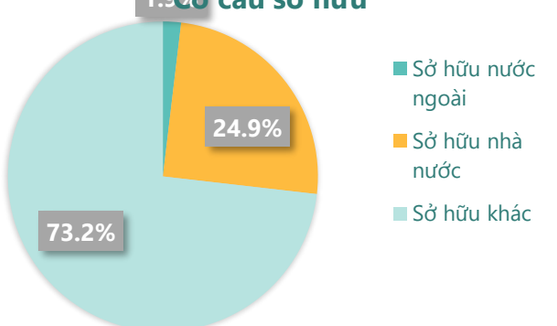
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	9,900 - 15,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	20
Số lượng CPLH (CP)	2,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	430
Sở hữu nước ngoài	1.9%
Beta	0.01
EPS	-544
P/E	-18.8

DT thuần
6T 2025
4.49
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.56| 53.3%

LN thuần
6T 2025
-1.06
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.78| 62.8%

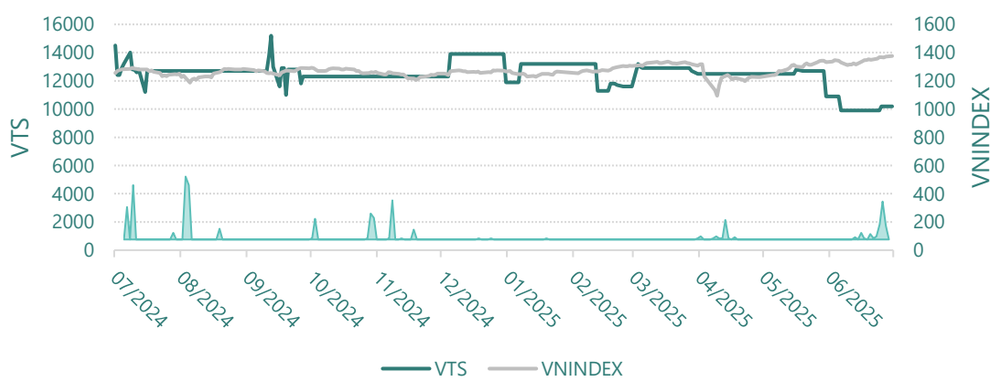
LN sau thuế
6T 2025
0.57
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.97| 117%

Cơ cấu sở hữu

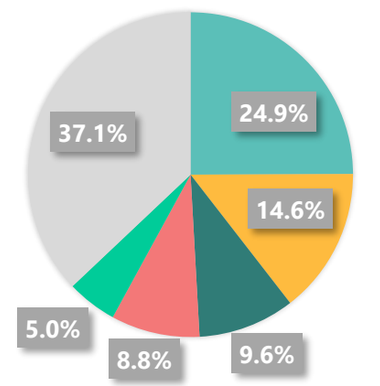


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

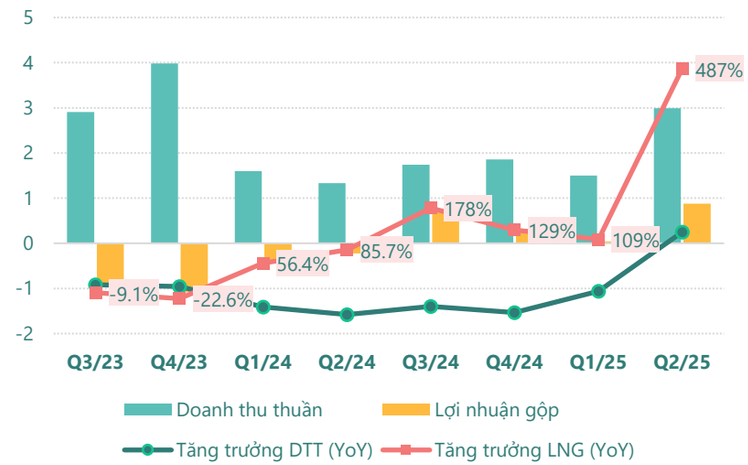


- Tổng Công ty Viglacera - CTCP
- Nguyễn Văn Duy (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Văn Cơ (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Văn Thân
- Nguyễn Thị Mơ (Kế toán trưởng)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

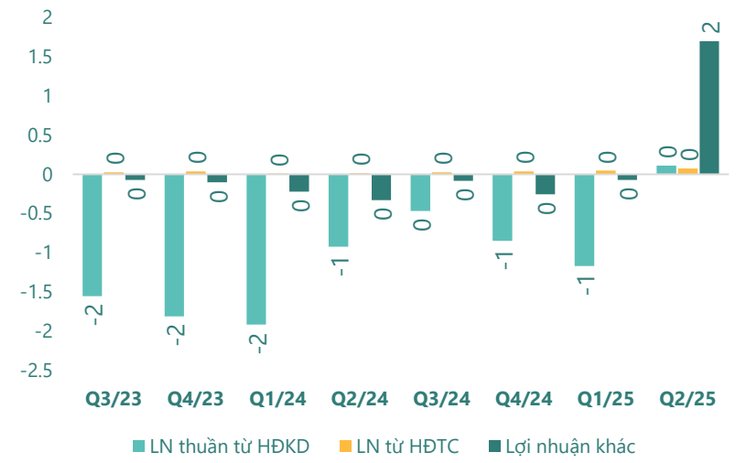
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



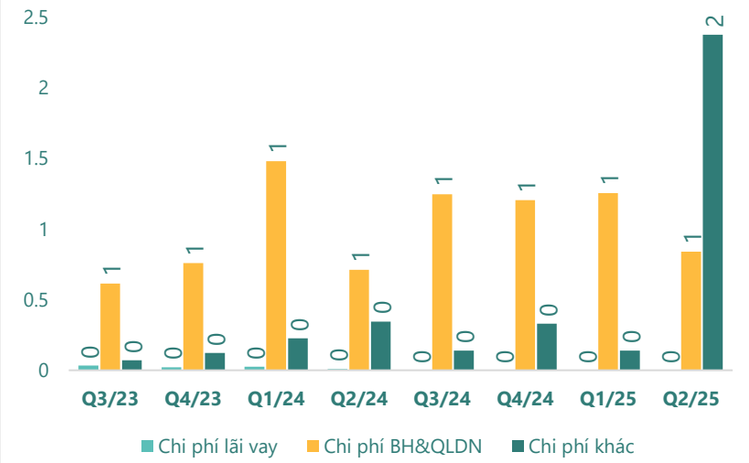
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



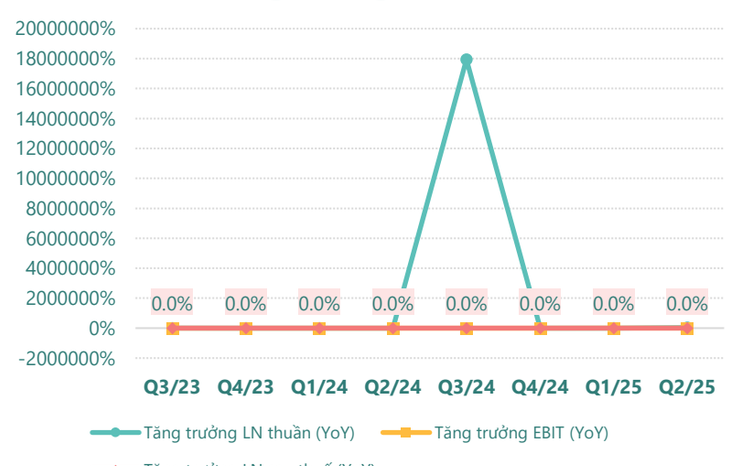
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



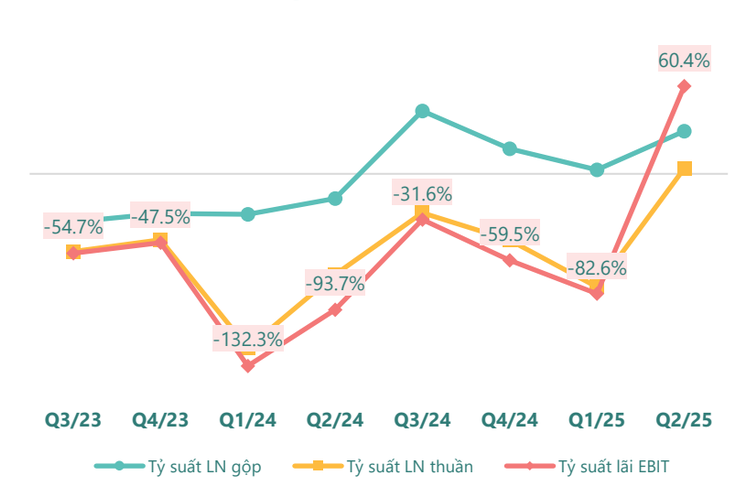
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



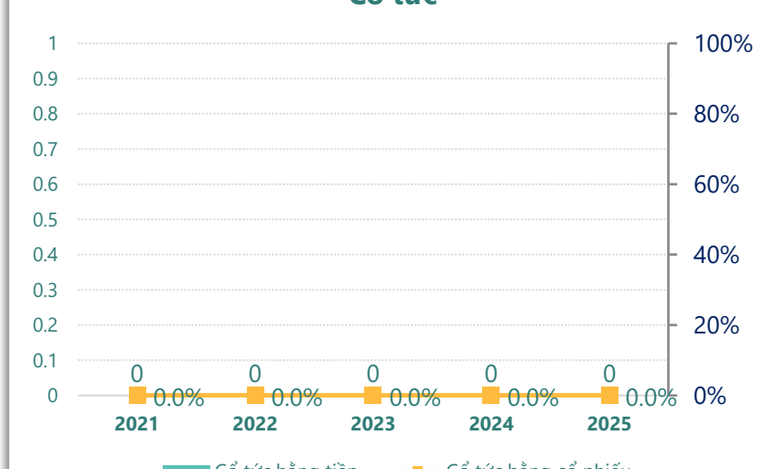
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

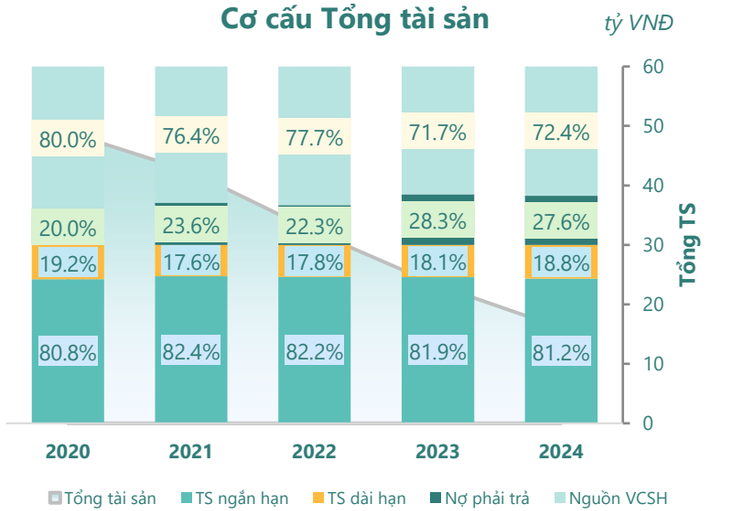
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

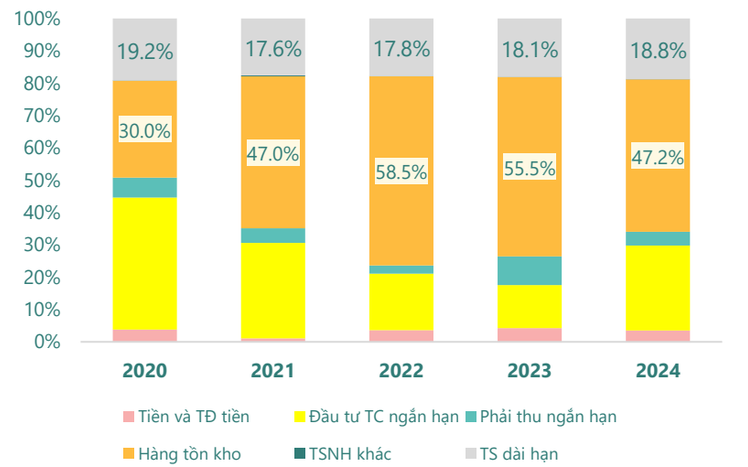
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



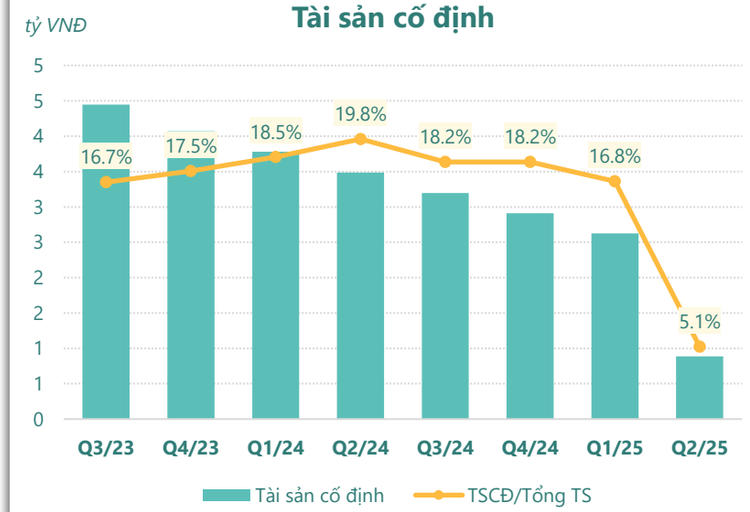
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



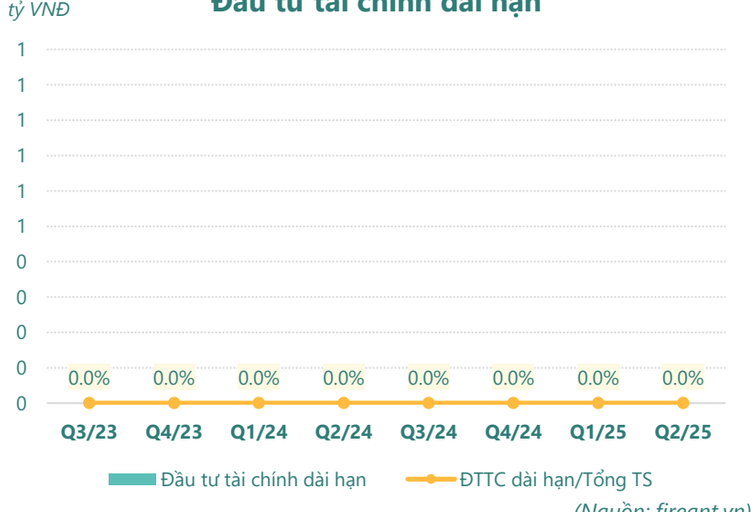
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



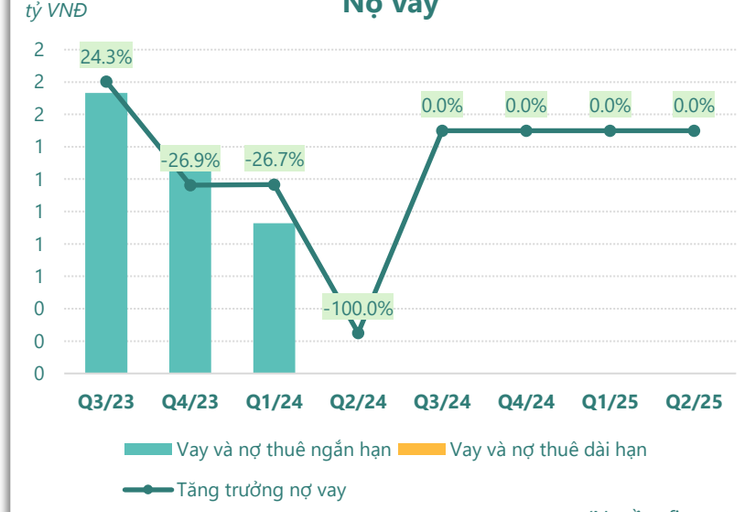
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

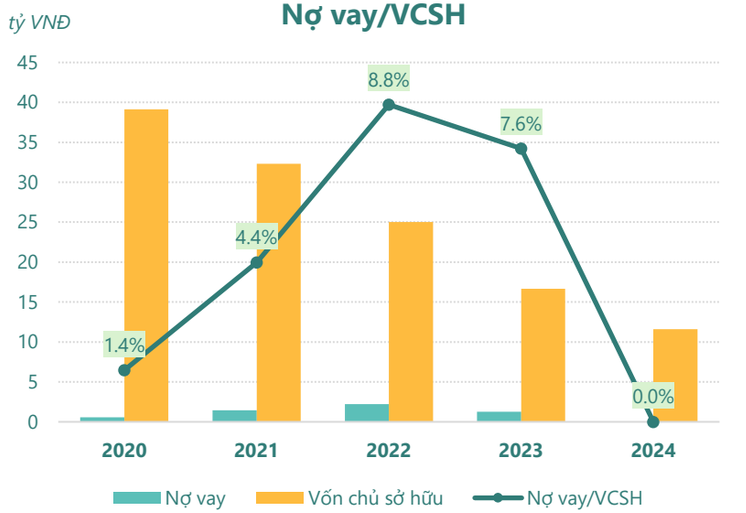
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

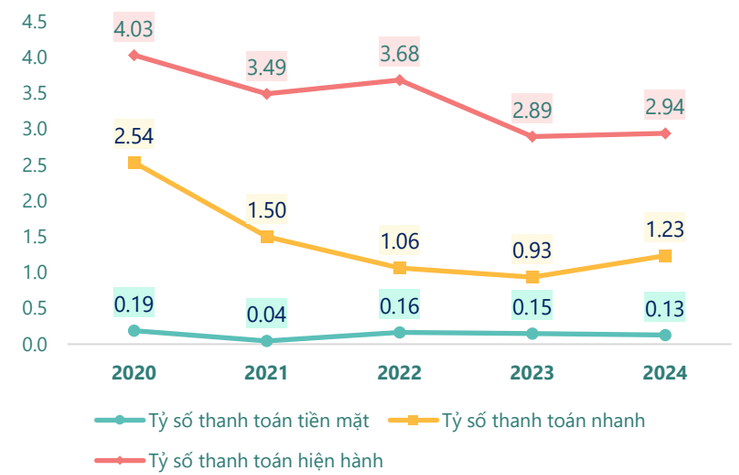
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



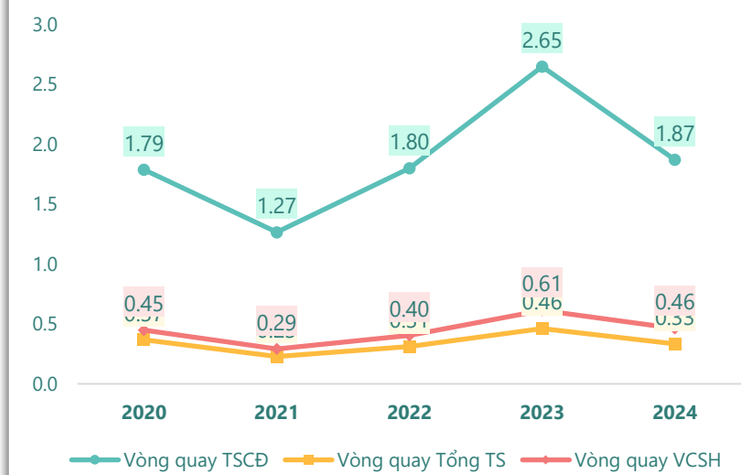
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



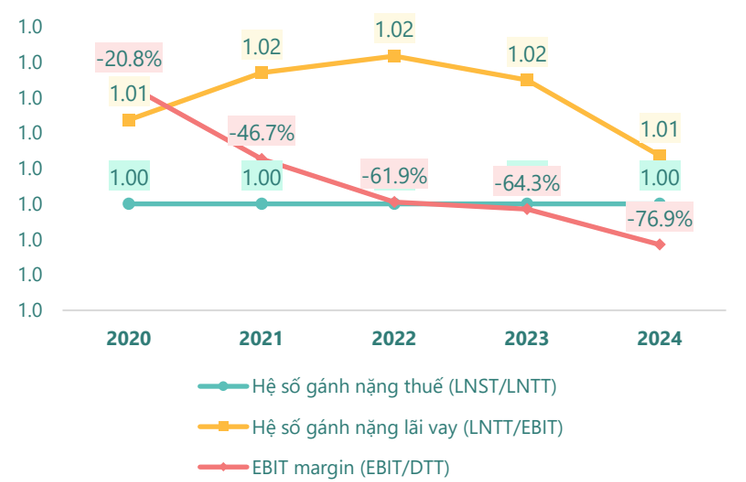
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



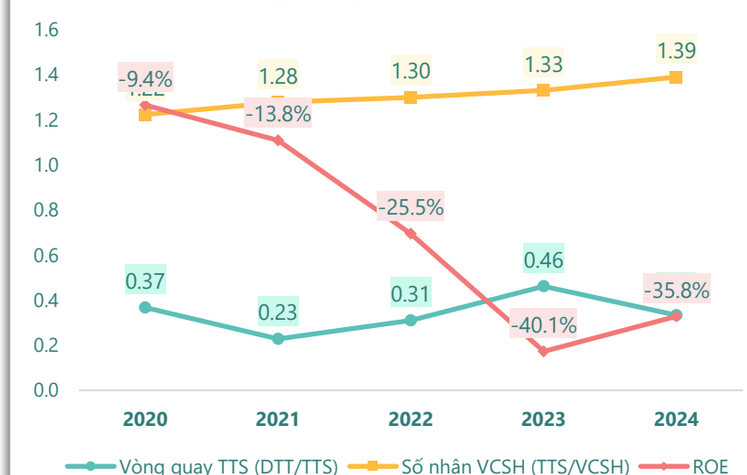
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



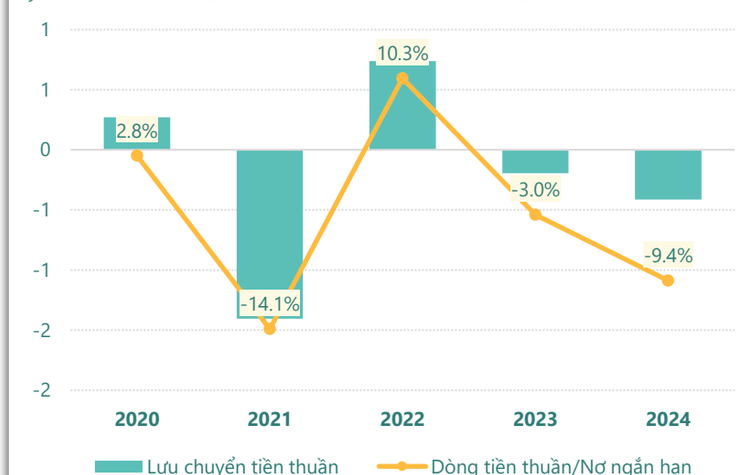
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2.99**	**1.33**	**125%**	**4.49**	**2.93**	**53.3%**
Giá vốn hàng bán	2.11	1.56	35.5%	3.58	3.60	-0.8%
Lợi nhuận gộp	0.88	-0.23	481%	0.92	-0.67	236%
Doanh thu HĐTC	0.08	0.02	276%	0.12	0.06	112%
Chi phí TC	0	0.01	-100%	0	0.03	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.01	-100%	0	0.03	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.17	0.30	-44.9%	0.41	0.57	-28.4%
Chi phí QLDN	**0.67**	**0.41**	**64.6%**	**1.69**	**1.63**	**3.9%**
LN thuần từ HĐKD	0.11	-0.93	112%	-1.06	-2.84	62.8%
Lợi nhuận khác	**1.70**	**-0.33**	**614%**	**1.62**	**-0.55**	**394%**
LN trước thuế	1.81	-1.26	243%	0.57	-3.40	117%
Lợi nhuận sau thuế	**1.81**	**-1.26**	**243%**	**0.57**	**-3.40**	**117%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.81**	**-1.26**	**243%**	**0.57**	**-3.40**	**117%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	1.22	0.02	1.15	1.82
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	-0.97	-0.28	-0.98	-0.97
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0.58	0.83	0.57	0.74
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**0**	**0.25**	**-0.26**	**0.17**	**0.85**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	0	0	0.83	0.57	0.74	1.59

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**17.4**	**16.0**	**8.4%**
Tài sản ngắn hạn	16.4	13.0	26.0%
Tiền và tương đương tiền	1.59	0.57	179%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.2	4.20	143%
Phải thu ngắn hạn	0.60	0.67	-10.5%
Hàng tồn kho	3.98	7.55	-47.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.00	120%
Tài sản dài hạn	**0.97**	**3.01**	**-67.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.89	2.91	-69.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.08**	**0.10**	**-18.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5.19	4.42	17.4%
Nợ ngắn hạn	**5.19**	**4.42**	**17.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.77	2.78	-0.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**12.2**	**11.6**	**4.9%**
Vốn chủ sở hữu	**12.2**	**11.6**	**4.9%**
Vốn điều lệ	20.0	20.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)